

Số /KH-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH
Triển khai Tiêm chủng mở rộng giai đoạn 2026 - 2028

Thực hiện Quyết định số 2780/QĐ-BYT ngày 29/8/2025 của Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch Tiêm chủng mở rộng giai đoạn 03 năm (2026-2028). Căn cứ Tờ trình số 299/TTr-SYT ngày 13/10/2025 của Sở Y tế về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch triển khai tiêm chủng mở rộng giai đoạn năm 2026 - 2028. UBND tỉnh Sơn La ban hành kế hoạch tiêm chủng mở rộng giai đoạn 2026 - 2028, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

- a) Đảm bảo cung ứng đầy đủ, kịp thời, an toàn vắc xin và vật tư trong Tiêm chủng mở rộng giai đoạn năm 2026 - 2028.
- b) Duy trì thành quả và nâng cao hiệu quả công tác Tiêm chủng mở rộng.
- c) Triển khai vắc xin mới trong Tiêm chủng mở rộng (*vắc xin phòng Ung thư cổ tử cung, vắc xin Phế cầu... khi có chỉ đạo của Bộ Y tế*).

2. Chỉ tiêu

- a) Đạt tỷ lệ tiêm chủng các vắc xin trong Chương trình TCMR

TT	Chỉ tiêu	Năm 2026 - 2028
1	Tỷ lệ tiêm vắc xin phòng bệnh Viêm gan B sơ sinh trong vòng 24 giờ	> 90%
2	Tỷ lệ tiêm vắc xin phòng bệnh Lao	> 95%
3	Tỷ lệ tiêm vắc xin DPT-VGB-Hib	> 95%
4	Tỷ lệ uống vắc xin phòng bệnh Bại liệt (OPV)	> 95%
5	Tỷ lệ tiêm vắc xin phòng bệnh Bại liệt (IPV)	> 95%
6	Tỷ lệ uống vắc xin Rota	> 95%
7	Tỷ lệ tiêm vắc xin phòng bệnh Sởi	> 95%
8	Tỷ lệ tiêm đủ mũi phòng bệnh Uốn ván cho Phụ nữ có thai	> 90%
9	Tỷ lệ tiêm vắc xin DPT	> 95%
10	Tỷ lệ tiêm vắc xin Sởi – Rubella	> 95%

TT	Chỉ tiêu	Năm 2026 - 2028
11	Tỷ lệ tiêm vắc xin Td	> 95%
12	Tỷ lệ tiêm vắc xin phòng bệnh Viêm não Nhật Bản	> 95%
13	Tỷ lệ tiêm vắc xin phòng bệnh Phế cầu (nếu có)	> 95%
14	Tỷ lệ tiêm vắc xin HPV (nếu có)	> 95%

b) Đạt chỉ tiêu giám sát bệnh có vắc xin phòng bệnh trong Chương trình TCMR

TT	Chỉ tiêu	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028
1	Không có vi rút bại liệt hoang dại	00 trường hợp	00 trường hợp	00 trường hợp
2	Đạt tiêu chuẩn loại trừ Uốn ván sơ sinh	100% khu vực đạt	100% khu vực đạt	100% khu vực đạt
3	Tỷ lệ mắc bệnh Sởi	$\leq 05/100.000$ người	$\leq 05/100.000$ người	$\leq 05/100.000$ người
4	Tỷ lệ mắc bệnh Bạch hầu	$\leq 0,1/100.000$ người	$\leq 0,1/100.000$ người	$\leq 0,1/100.000$ người
5	Tỷ lệ mắc bệnh Ho gà	$\leq 01/100.000$ người	$\leq 01/100.000$ người	$\leq 01/100.000$ người
6	Ca Liệt mềm cấp được điều tra và lấy mẫu	$\geq 01/100.000$ trẻ dưới 15 tuổi	$\geq 01/100.000$ trẻ dưới 15 tuổi	$\geq 01/100.000$ trẻ dưới 15 tuổi
7	Ca nghi sởi/rubella được điều tra và lấy mẫu xét nghiệm	$\geq 02/100.000$ người	$\geq 02/100.000$ người	$\geq 02/100.000$ người
8	Số ca chết sơ sinh được điều tra	$\geq 02/1.000$ trẻ đẻ sống	$\geq 02/1.000$ trẻ đẻ sống	$\geq 02/1.000$ trẻ đẻ sống

II. PHẠM VI, PHƯƠNG THỨC TRIỂN KHAI, ĐỐI TƯỢNG VÀ VẮC XIN

1. Phạm vi và phương thức triển khai

a) Phạm vi triển khai: 100% số xã, phường.

b) Phương thức triển khai: Vào các ngày cố định trong tháng, các vùng nguy cơ cao, vùng đặc biệt khó khăn nếu có điểm tiêm chủng định kỳ thực hiện ít nhất 02 tháng/01 lần (chỉ áp dụng vào mùa mưa, lũ), các tháng còn lại phải thực hiện tiêm chủng thường xuyên.

2. Đối tượng (chi tiết tại Phụ lục I)

Đối tượng/Năm	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028
Trẻ dưới 01 tuổi	20.551	20.632	20.789
Trẻ 1 tuổi	20.648	20.664	20.852
Trẻ 18 tháng tuổi	20.553	20.471	20.593
Trẻ 2 tuổi	20.671	20.728	20.820
Trẻ 7 tuổi	24.692	24.324	24.200
Phụ nữ có thai	20.447	20.518	20.632

3. Nhu cầu vắc xin (Chi tiết tại Phụ lục II, III, IV).

III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Triển khai kế hoạch sử dụng vắc xin trong Chương trình TCMR đảm bảo tiêm chủng an toàn và đạt tiên độ

- Tổ chức tiêm chủng các vắc xin trong TCMR tại tất cả các xã, phường đảm bảo đạt chỉ tiêu, an toàn và hiệu quả; tổ chức tiêm chủng vắc xin phòng Viêm gan B sơ sinh tại các cơ sở y tế có phòng sinh, đẻ tại nhà; tổ chức tiêm chủng cho trẻ có bệnh nền, trẻ cần khám sàng lọc tại bệnh viện; tổ chức tiêm chủng thường xuyên ít nhất 02 lần/tháng, thực hiện tiêm vét, tiêm bù ngay trong tháng.

- Tăng cường rà soát đối tượng, đặc biệt đối với nhóm trẻ tại các địa phương vùng khó tiếp cận, vùng dân tộc thiểu số, cần thiết có thể bố trí thêm các điểm tiêm chủng lưu động phù hợp để tăng khả năng tiếp cận vắc xin, tăng tỷ lệ tiêm chủng cho các nhóm trẻ này.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 16/7/2024 của UBND tỉnh về triển khai tiền sử tiêm chủng và tiêm chủng bù liều cho trẻ nhập học tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học trên địa bàn tỉnh Sơn La hàng năm, cụ thể: 100% trẻ được rà soát tiền sử tiêm chủng các vắc xin trong Chương trình TCMR khi nhập học tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học (lớp 1); Ít nhất 90% trẻ được xác định chưa tiêm chủng hoặc tiêm chủng chưa đủ mũi vắc xin Sởi, Sởi-Rubella (MR), Bại liệt (bOPV, IPV) và Viêm não Nhật Bản (VNNB) được tiêm chủng bù mũi để phòng bệnh.

- Tăng cường quản lý, nắm bắt rà soát đối tượng tiêm chủng hàng tháng; tiếp tục triển khai báo cáo điện tử trên Hệ thống thông tin tiêm chủng Quốc gia tại tất cả các cơ sở tiêm chủng.

- Cung ứng vắc xin vật tư tiêm chủng: Tiếp nhận, phân bổ, quản lý, điều phối vắc xin, vật tư tiêm chủng, hệ thống dây chuyền lạnh, thiết bị dây chuyền lạnh và dụng cụ theo dõi nhiệt độ dây chuyền lạnh đảm bảo theo quy định.

- Đảm bảo công tác an toàn tiêm chủng theo quy định, tích cực giám sát báo cáo về giám sát phản ứng sau tiêm chủng. Các hoạt động đạt tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ theo mục tiêu, chỉ tiêu.

2. Công tác tuyên truyền, vận động

- Xây dựng kế hoạch cụ thể về công tác tuyên truyền vận động ở từng cấp, từng ngành có sự phối kết hợp giữa ngành y tế và cơ quan thông tin đại chúng để thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền về TCMR.

- Truyền thông đến người dân và cộng đồng về tiêm chủng phòng bệnh, chú trọng các nhóm đối tượng khó tiếp cận (*khu vực vùng sâu vùng xa, vùng lồi trong tiêm chủng,...*) nhằm xóa bỏ các quan điểm sai và hủ tục cản trở tiêm chủng để người dân chủ động, tích cực tham gia tiêm chủng.

- Truyền thông, giáo dục sức khỏe, phổ biến kiến thức về Chương trình tiêm chủng mở rộng và lợi ích của tiêm chủng phòng bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho trẻ em để vận động cha, mẹ, người giám hộ đưa trẻ đi tiêm chủng đầy đủ, đúng lịch, đủ liều, phối hợp truyền thông trực tiếp tại các cơ sở giáo dục.

- Xây dựng các bài tuyên truyền, sản xuất, cung cấp tờ rơi đến người dân về lợi ích của tiêm chủng, triển khai vắc xin mới, an toàn tiêm chủng,...

- Thực hiện thường xuyên, liên tục với nhiều hình thức: Các buổi họp tại xã, họp nhóm một số bản,... phù hợp với điều kiện và trình độ nhận thức của người dân từng vùng, từng dân tộc, truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội Zalo, Facebook, Báo và Phát thanh truyền hình Sơn La,...

3. Công tác phối hợp liên ngành

- Tăng cường phối hợp giữa ngành Y tế với các Sở, ngành: Giáo dục và Đào tạo; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng; UBND các xã, phường... trong tiêm chủng.

- Huy động các đoàn thể, xã hội tham gia các hoạt động tiêm chủng như Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội sinh viên, Hội người cao tuổi... cần thúc đẩy việc thực hiện của các đơn vị liên quan trong Quy chế phối hợp về truyền thông vận động tiêm chủng. Đảm bảo, trách nhiệm phối hợp của các đơn vị nòng cốt như Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, cụ thể:

+ Đối với Hội Phụ nữ, tích cực truyền thông qua các buổi sinh hoạt hội viên (*ít nhất 01 buổi/quý*), hướng dẫn và vận động tiêm chủng qua nhóm Zalo (*ít nhất 01 đợt/tháng*), tập trung vào các bà mẹ trẻ, nhất là những người có con lần đầu và các gia đình chưa cho trẻ tiêm chủng đầy đủ.

+ Đối với Đoàn Thanh niên, truyền thông qua mạng xã hội như Facebook và Zalo (*tối thiểu 03 tin bài/tháng*), xây dựng các chương trình phát thanh có kèm các yếu tố thu hút như đối thoại với thanh niên có ảnh hưởng, hỏi đáp tư vấn, trò chơi, âm nhạc. Lòng ghép truyền thông trong các sự kiện phong trào (*tối thiểu 02 lần/năm*) để tiếp cận đối tượng thanh niên, gia đình trẻ có con lần đầu. Hỗ trợ đưa trẻ đi tiêm chủng cho các gia đình gặp khó khăn về phương tiện di chuyển.

4. Tăng cường giám sát các bệnh có vắc xin trong TCMR

- Phát hiện sớm, cập nhật đầy đủ và kịp thời thông tin các trường hợp bệnh lên Hệ thống quản lý ca bệnh theo quy định của Bộ Y tế.

- Tổng hợp dữ liệu và thực hiện báo cáo (thường kỳ và đột xuất) theo quy định và là cơ sở để đánh giá hiệu quả triển khai vắc xin, đề xuất kế hoạch tiêm bổ sung, tiêm vét và triển khai các biện pháp phòng chống, thanh toán, loại trừ bệnh.

- Lồng ghép giám sát, điều tra ca bệnh, lấy mẫu bệnh phẩm theo quy định đối với trường hợp liệt mềm cấp, nghi sởi, rubella, Viêm não vi rút, chết sơ sinh, nghi ngờ uốn ván sơ sinh tại các cơ sở y tế và cộng đồng đảm bảo đạt chỉ tiêu đề ra.

5. Tăng cường an toàn tiêm chủng, theo dõi phản ứng sau tiêm chủng

- Tập huấn, cập nhật kiến thức và kỹ năng về an toàn tiêm chủng, xử trí tai biến sau tiêm cho cán bộ y tế các tuyến.

- Duy trì hệ thống giám sát phản ứng sau tiêm chủng; ghi nhận, điều tra và xử lý kịp thời các trường hợp tai biến nặng; tổ chức họp Hội đồng tư vấn chuyên môn đánh giá nguyên nhân tai biến nặng trong quá trình sử dụng vắc xin theo qui định.

- Triển khai các hoạt động giám sát chủ động và giám sát thường quy hoạt động tiêm chủng, an toàn tiêm chủng theo kế hoạch.

6. Bồi thường tiêm chủng

Thực hiện bồi thường các trường hợp tai biến nặng tại địa phương ngoài các trường hợp đã được tuyến trung ương và khu vực chi trả theo quy định tại khoản đ điểm 03 Điều 01 Nghị định số 13/2024/NĐ-CP ngày 05/02/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng.

7. Thống kê, báo cáo kết quả tiêm chủng

Thực hiện báo cáo điện tử trên Hệ thống thông tin tiêm chủng quốc gia. Đảm bảo tính chính xác, kịp thời, thống nhất và đầy đủ theo quy định tại Thông tư 34/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ Y tế hướng dẫn chi tiết một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng, báo cáo theo yêu cầu của Bộ Y tế và Văn phòng tiêm chủng mở rộng quốc gia, miền Bắc, báo cáo đột xuất (nếu có).

8. Kiểm tra, giám sát, đánh giá

- Kiểm tra, giám sát về quản lý vắc xin, vật tư tiêm chủng: thực hiện việc quản lý vắc xin, vật tư tiêm chủng theo quy định của Thông tư số 34/2018/TT-BYT. Đầy đủ các thiết bị theo dõi nhiệt độ dây chuyền lạnh, có bảng theo dõi nhiệt độ cập nhật đầy đủ, đúng và kịp thời. Kiểm tra kiến thức của cán bộ phụ trách tại các đơn vị, cơ sở tiêm chủng.

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai Hệ thống thông tin tiêm chủng Quốc gia tại địa phương (*bao gồm cả công lập và tư nhân*). Chủ động kiểm tra, giám sát, điều tra ngẫu nhiên tại cộng đồng về tình hình thực tế hoạt động tiêm chủng tại các địa phương để có cơ sở đánh giá nguy cơ, tìm hiểu các nguyên nhân, khó khăn tồn tại trong tiêm chủng ở các cơ sở y tế.

- Hậu kiểm công bố cơ sở đủ điều kiện hoạt động tiêm chủng của các đơn vị, đặc biệt là các cơ sở tiêm chủng dịch vụ.

9. Quản lý, điều hành, hợp tác quốc tế hoạt động TCMR

- Chỉ đạo thường xuyên và kịp thời, đôn đốc địa phương triển khai hoạt động TCMR 2025 và những năm tiếp theo đảm bảo đạt các chỉ tiêu đã đề ra, thực hiện kiểm tra, giám sát công tác TCMR tại các đơn vị, thường xuyên bám sát cơ sở để triển khai hiệu quả hoạt động tiêm chủng tại địa phương.

- Theo dõi, điều phối vắc xin giữa các đơn vị để đảm bảo sử dụng vắc xin hiệu quả.

- Phối hợp với Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, các tổ chức quốc tế, tổ chức đánh giá quản lý vắc xin, Hệ thống thông tin tiêm chủng Quốc gia, lồng ghép kiểm tra việc triển khai công tác tiêm chủng mở rộng.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí Trung ương: Được bố trí trong ngân sách chi thường xuyên của Bộ Y tế để đảm bảo cho các hoạt động,

- a) Mua vắc xin cho các đối tượng trong Chương trình TCMR;
- b) Kiểm định vắc xin;
- c) Tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản vắc xin đến tuyến tỉnh, thành phố;
- d) Thông tin, giáo dục, truyền thông, chi phí đào tạo, nghiên cứu khoa học để ứng dụng kỹ thuật mới, phương pháp mới trong tiêm chủng, giám sát đánh giá hiệu quả vắc xin tại trung ương;
- đ) Bồi thường khi sử dụng vắc xin xảy ra tai biến ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe hoặc gây thiệt hại đến tính mạng của người được tiêm chủng tại cơ sở tiêm chủng thuộc các Bộ, cơ quan trung ương. Trường hợp tai biến khi sử dụng vắc xin tại các cơ sở tiêm chủng tại địa phương được xác định nguyên nhân do chất lượng của vắc xin, đặc tính cố hữu của vắc xin, sai sót trong khâu bảo quản, vận chuyển vắc xin từ trung ương đến tuyến tỉnh, thành phố thì ngân sách trung ương bố trí kinh phí để bồi thường.

2. Kinh phí địa phương

Bảo đảm cho hoạt động của Chương trình TCMR trên địa bàn trừ các hoạt động đã được ngân sách Trung ương bảo đảm như theo phân cấp: Đào tạo tập huấn, truyền thông, in ấn, mua sắm vật tư tiêm chủng (bơm kim tiêm, hộp an toàn...), thuê mướn, kiểm tra, giám sát, vận chuyển, bảo quản vắc xin, bảo dưỡng, sửa chữa, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh hệ thống dây chuyền lạnh, chi bồi dưỡng công tiêm, triển khai các Chiến dịch tiêm vắc xin bổ sung (nếu có)...

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Tham mưu giúp việc UBND tỉnh chỉ đạo việc triển khai các hoạt động tiêm chủng theo quy định của Bộ Y tế.

- Tổ chức việc đánh giá nguyên nhân, kết luận và công bố nguyên nhân các trường hợp tai biến nặng sau tiêm chủng trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo, hướng dẫn công tác thông tin, truyền thông về an toàn tiêm chủng, lợi ích vắc xin và xử trí phản ứng sau tiêm.

- Triển khai và giám sát việc thực hiện báo cáo điện tử trên Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia. Đẩy mạnh đào tạo, tập huấn trực tiếp và trực tuyến cho cán bộ tiêm chủng các tuyến.

- Chỉ đạo Bệnh viện Đa khoa các tuyến về thực hiện tiêm chủng, giám sát, điều trị các trường hợp tai biến nặng sau tiêm chủng, giám sát bệnh trong TCMR. Tổ chức tốt việc tiêm vắc xin viêm gan B liều sơ sinh (lưu ý các trẻ sinh con tại nhà), vắc xin BCG và các vắc xin khác (nếu có). Chuẩn bị điều kiện xem xét việc triển khai tiêm chủng mở rộng tại Bệnh viện.

- Chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở tiêm chủng dịch vụ, quản lý vắc xin, vật tư tiêm chủng. Giao Trung tâm Kiểm soát bệnh tật kiểm tra, giám sát hỗ trợ tuyến dưới trong tổ chức tiêm, quản lý vắc xin, triển khai phân mềm quốc gia, giám sát an toàn tiêm chủng; điều tra - đánh giá tại cộng đồng, đặc biệt ở vùng khó khăn; giám sát hỗ trợ, hướng dẫn, tổng hợp báo cáo định kỳ.

- Yêu cầu các đơn vị y tế báo cáo định kỳ tỷ lệ tiêm chủng cho trẻ em, phụ nữ có thai; nêu rõ khó khăn, đề xuất giải pháp phù hợp.

- Xây dựng kế hoạch cải thiện và tiến tới xóa các vùng lõm tiêm chủng tại địa phương. Thường xuyên chỉ đạo các Trạm y tế tổ chức tiêm chủng tại nhà ở các xã thuộc vùng sâu, vùng xa, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng lõm tiêm chủng.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trực thuộc phối hợp cùng ngành Y tế chuẩn bị cơ sở vật chất, nhân lực trong việc triển khai Chiến dịch tiêm chủng vắc xin phòng bệnh cho các nhóm tuổi theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Giáo dục & Đào tạo, Bộ Y tế cũng như của UBND tỉnh; xem xét lựa chọn các đối tượng học sinh nữ tại các trường dân tộc nội trú vùng nguy cơ cao đề xuất các chiến dịch tiêm bổ sung vắc xin phòng uốn ván đảm bảo duy trì thành quả loại trừ Uốn ván sơ sinh trên quy mô xã với y tế địa phương.

- Tiếp tục phối hợp với ngành Y tế duy trì triển khai hàng năm Kế hoạch số 980/KH-BYT- BGDĐT ngày 19/7/2023 giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế và Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 16/7/2024 của UBND tỉnh Sơn La, thực hiện tiêm bù tiêm vét cho các đối tượng mới nhập học chưa được tiêm chủng đầy đủ đảm bảo đạt tỷ lệ tiêm chủng, giảm số mắc và tử vong do bệnh truyền nhiễm, giảm tải gánh nặng bệnh tật cho gia đình và xã hội.

- Chủ động phối hợp với cơ quan y tế và các tổ chức, đoàn thể tại địa phương tổ chức tuyên truyền (*chú trọng phối hợp với Y tế các tuyến thực hiện truyền thông trong các trường học*), tư vấn, vận động cha mẹ, người chăm sóc,

người giám hộ hợp pháp của trẻ để trẻ được tiêm chủng đầy đủ theo hướng dẫn của ngành Y tế.

3. Sở Tài chính

Cân đối ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác tham mưu giúp UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch; Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí theo quy định.

4. Đề nghị Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La

Phối hợp với ngành Y tế tuyên truyền về các loại vắc xin mới, kịp thời đưa các thông tin khuyến cáo của Bộ Y tế, của địa phương để mọi người dân hiểu và thực hiện.

5. Các Sở, ban, ngành khác

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của từng sở, ban, ngành để phối hợp triển khai thực hiện các hoạt động trong công tác tiêm chủng mở rộng tại địa phương đặc biệt là công tác tuyên truyền vận động con em trong tổ chức hưởng ứng hoạt động tiêm chủng mở rộng.

- Chỉ đạo các đơn vị ngành dọc phối hợp với ngành Y tế, UBND các xã, phường triển khai công tác tiêm chủng mở rộng tại địa phương.

6. Đề nghị Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, phối hợp, phổ biến các nội dung liên quan để triển khai thực hiện công tác tiêm chủng trên địa bàn tỉnh.

- Giám sát việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật; chủ động phát hiện và kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về công tác tiêm chủng trên địa bàn.

- Phối hợp với cơ quan, đơn vị y tế triển khai các hoạt động tiêm chủng tại địa phương.

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Xây dựng kế hoạch triển khai tiêm chủng mở rộng trên địa bàn, cân đối, đảm bảo kinh phí triển khai hoạt động tiêm chủng tại địa phương (ngoài các hoạt động do Trung ương, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trung tâm Y tế khu vực đảm bảo). Chịu trách nhiệm về tỷ lệ tiêm chủng và triển khai các hoạt động tiêm chủng mở rộng trên địa bàn quản lý. Giao trách nhiệm cho các ban, ngành, đoàn thể, tổ/bản/tiểu khu đảm bảo đạt chỉ tiêu tiêm chủng từng loại vắc xin hàng năm. Thực hiện thanh kiểm tra, giám sát các hoạt động tiêm chủng trên địa bàn thường xuyên.

- Chỉ đạo hệ thống truyền thanh cơ sở đẩy mạnh công tác tuyên truyền về lợi ích của tiêm chủng nhằm truyền tải thông tin đến người dân, tăng cường trách nhiệm của cha, mẹ và người chăm sóc trẻ, đưa trẻ đi tiêm chủng đúng lịch, đủ liều.

- Giao các Trạm Y tế rà soát đối tượng tiêm chủng, thường xuyên tổ chức tiêm vét đảm bảo tỷ lệ tiêm chủng đạt chỉ tiêu đề ra; không để bản trắng về tiêm chủng; giám sát chặt chẽ và phối hợp xử trí các trường hợp phản ứng sau tiêm chủng, báo cáo theo quy định.

Yêu cầu các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các xã, phường triển khai thực hiện, trong quá trình triển khai nếu có vướng mắc kịp thời phản ánh về Sở Y tế tổng hợp báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Cục Phòng bệnh, Bộ Y tế;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như mục V;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KGVX, Lê Anh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Hà Trung Chiến

Phụ lục I
ĐỐI TƯỢNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG CÁC KHU VỰC NĂM 2026 - 2028

TT	Khu vực	Năm 2026						Năm 2027						Năm 2028					
		Trẻ < 1 tuổi	Trẻ 1 tuổi	Đối tượng 18 tháng	Trẻ 2 tuổi	Trẻ 7 tuổi	Phụ nữ có thai	Trẻ < 1 tuổi	Trẻ 1 tuổi	Đối tượng 18 tháng	Trẻ 2 tuổi	Trẻ 7 tuổi	Phụ nữ có thai	Trẻ < 1 tuổi	Trẻ 1 tuổi	Đối tượng 18 tháng	Trẻ 2 tuổi	Trẻ 7 tuổi	Phụ nữ có thai
1	Vân Hồ	1.070	1.076	1.130	1.103	1.263	1.072	1.100	1.105	1.123	1.086	1.244	1.106	1.120	1.113	1.145	1.106	1.199	1.117
2	Mộc Châu	1.900	1.940	1.900	1.780	1.960	1.940	1.830	1.810	1.860	1.780	2.005	1.810	1.830	1.810	1.860	1.780	1.950	1.810
3	Yên Châu	1.199	1.200	1.242	1.250	1.345	1.199	1.197	1.199	1.231	1.260	1.327	1.197	1.195	1.200	1.216	1.270	1.329	1.195
4	Mai Sơn	2.753	2.756	2.547	2.780	3.049	2.650	2.756	2.761	2.550	2.764	2.972	2.703	2.816	2.816	2.595	2.752	2.906	2.755
5	Sơn La	1.486	1.491	1.490	1.548	1.864	1.486	1.502	1.502	1.553	1.535	1.942	1.502	1.502	1.506	1.520	1.527	2.013	1.502
6	Thuận Châu	2.734	2.734	2.773	2.694	3.375	2.736	2.779	2.779	2.810	2.719	3.402	2.774	2.831	2.831	2.850	2.768	3.398	2.819
7	Quỳnh Nhai	1.016	1.016	1.017	1.025	1.217	1.016	1.012	1.012	1.015	1.039	1.126	1.012	1.000	1.000	1.017	1.037	1.153	1.000
8	Mường La	1.616	1.601	1.617	1.634	1.956	1.616	1.629	1.624	1.580	1.675	1.959	1.629	1.641	1.645	1.601	1.651	1.901	1.641
9	Phù Yên	1.964	2.019	1.968	1.970	2.500	1.945	1.977	2.016	1.950	1.978	2.470	1.977	1.948	2.019	1.968	1.970	2.500	1.945
10	Bắc Yên	1.322	1.322	1.296	1.315	1.536	1.331	1.322	1.322	1.300	1.330	1.487	1.329	1.338	1.338	1.309	1.314	1.454	1.337
11	Sông Mã	2.467	2.469	2.518	2.586	3.342	2.432	2.500	2.506	2.469	2.530	3.340	2.451	2.533	2.546	2.484	2.613	3.414	2.476
12	Sốp Cộp	1.024	1.024	1.055	986	1.285	1.024	1.028	1.028	1.030	1.032	1.050	1.028	1.035	1.028	1.028	1.032	983	1.035
Cộng		20.551	20.648	20.553	20.671	24.692	20.447	20.632	20.664	20.471	20.728	24.324	20.518	20.789	20.852	20.593	20.820	24.200	20.632

Phụ lục II
NHU CẦU VẮC XIN TRONG CHƯƠNG TRÌNH TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG NĂM 2026 CỦA CÁC KHU VỰC

TT	Khu vực	Năm 2026 (liều)											
		BCG	Viêm gan B	DPT-VGB-Hib	OPV	IPV	Rota	Sởi	Sởi-Rubella	DPT	VNNB (liều 0,5ml)	Uốn ván	Td
1	Vân Hồ	2.550	1.011	3.202	6.100	4.070	2.135	2.040	2.150	3.000	6.190	4.840	1.920
2	Mộc Châu	4.520	1.796	5.686	10.840	7.220	3.791	3.610	3.610	5.060	10.750	8.740	2.980
3	Yên Châu	2.850	1.133	3.588	6.840	4.560	2.392	2.280	2.360	3.300	8.050	5.400	2.040
4	Mai Sơn	6.540	2.602	8.238	15.700	10.460	5.492	5.230	4.840	6.780	15.160	11.920	4.630
5	Sơn La	3.530	1.404	4.447	8.480	5.650	2.965	2.820	2.830	3.960	8.610	6.680	2.830
6	Thuận Châu	6.500	2.584	8.181	15.600	10.390	5.454	5.200	5.270	7.380	15.570	12.320	5.130
7	Quỳnh Nhai	2.420	960	3.040	5.800	3.860	2.027	1.930	1.930	2.700	5.750	4.580	1.850
8	Mường La	3.840	1.527	4.836	9.220	6.140	3.224	3.070	3.070	4.300	9.250	7.280	2.970
9	Phù Yên	4.670	1.856	5.877	11.200	7.470	3.918	3.730	3.740	5.240	11.320	8.760	3.800
10	Bắc Yên	3.140	1.249	3.956	7.540	5.030	2.637	2.510	2.460	3.440	7.500	6.000	2.340
11	Sông Mã	5.860	2.331	7.382	14.060	9.380	4.922	4.690	4.790	6.700	15.500	10.940	5.080
12	Sốp Cộp	2.440	968	3.064	5.840	3.890	2.043	1.950	2.000	2.800	5.770	4.600	1.960
Cộng		48.860	19.421	61.497	117.220	78.120	40.999	39.060	39.050	54.660	119.420	92.060	37.530

Phụ lục III

NHU CẦU VẮC XIN TRONG CHƯƠNG TRÌNH TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG NĂM 2027 CỦA CÁC KHU VỰC

TT	Khu vực	Năm 2027 (liều)											
		BCG	Viêm gan B	DPT-VGB-Hib	OPV	IPV	Rota	Sởi	Sởi-Rubella	DPT	VNNB (liều 0,5ml)	Uốn ván	Td
1	Vân Hồ	2.610	1.040	3.292	6.280	4.180	2.195	2.090	2.130	2.980	6.260	4.980	1.890
2	Mộc Châu	4.350	1.729	5.476	10.440	6.960	3.651	3.480	3.530	4.940	10.260	8.140	3.050
3	Yên Châu	2.840	1.131	3.582	6.820	4.550	2.388	2.280	2.340	3.280	8.020	5.380	2.010
4	Mai Sơn	6.550	2.604	8.247	15.700	10.470	5.498	5.240	4.850	6.780	15.120	12.160	4.520
5	Sơn La	3.570	1.419	4.495	8.560	5.710	2.996	2.860	2.950	4.140	8.810	6.760	2.950
6	Thuận Châu	6.600	2.626	8.316	15.840	10.560	5.544	5.280	5.340	7.480	15.710	12.480	5.170
7	Quỳnh Nhai	2.400	956	3.028	5.760	3.850	2.019	1.920	1.930	2.700	5.790	4.560	1.710
8	Mường La	3.870	1.539	4.875	9.300	6.190	3.250	3.100	3.000	4.200	9.300	7.340	2.980
9	Phù Yên	4.700	1.868	5.916	11.260	7.510	3.944	3.750	3.700	5.180	11.340	8.900	3.750
10	Bắc Yên	3.140	1.249	3.956	7.540	5.020	2.637	2.510	2.470	3.460	7.590	5.980	2.260
11	Sông Mã	5.940	2.363	7.481	14.240	9.500	4.988	4.750	4.700	6.560	15.610	11.020	5.080
12	Sốp Cộp	2.440	971	3.076	5.860	3.900	2.051	1.950	1.960	2.740	5.870	4.620	1.600
Cộng		49.010	19.495	61.740	117.600	78.400	41.161	39.210	38.900	54.440	119.680	92.320	36.970

Phụ lục IV
NHU CẦU VẮC XIN TRONG CHƯƠNG TRÌNH TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG NĂM 2028 CỦA CÁC KHU VỰC

TT	Khu vực	Năm 2028 (liều)											
		BCG	Viêm gan B	DPT-VGB-Hib	OPV	IPV	Rota	Sởi	Sởi-Rubella	DPT	VNNB (liều 0,5ml)	Uốn ván	Td
1	Vân Hồ	2.660	1.058	3.352	6.380	4.260	2.234	2.130	2.180	3.040	6.330	5.020	1.820
2	Mộc Châu	4.340	1.729	5.476	10.420	6.950	3.651	2.480	3.530	4.940	10.260	8.140	2.960
3	Yên Châu	2.840	1.129	3.576	6.820	4.540	2.384	2.270	2.310	3.240	7.900	5.380	2.020
4	Mai Sơn	6.690	2.661	8.427	16.060	10.700	5.618	5.350	4.930	6.900	15.330	12.400	4.420
5	Sơn La	3.570	1.419	4.495	8.560	5.700	2.996	2.850	2.890	4.040	8.500	6.760	3.060
6	Thuận Châu	6.720	2.675	8.472	16.140	10.760	5.648	5.380	5.410	7.580	16.030	12.680	5.160
7	Quỳnh Nhai	2.380	945	2.993	5.700	3.800	1.995	1.900	1.930	2.700	5.730	4.500	1.760
8	Mường La	3.900	1.551	4.911	9.360	6.240	3.274	3.120	3.040	4.260	9.330	7.380	2.890
9	Phù Yên	4.630	1.841	5.829	11.100	7.400	3.886	3.700	3.740	5.240	11.320	8.760	3.800
10	Bắc Yên	3.180	1.264	4.004	7.620	5.080	2.669	2.540	2.490	3.480	7.560	6.020	2.210
11	Sông Mã	6.010	2.394	7.580	14.440	9.620	5.053	4.810	4.720	6.600	15.920	11.140	5.190
12	Sốp Cộp	2.460	978	3.097	5.900	3.930	2.065	1.970	1.950	2.740	5.900	4.660	1.500
Cộng		49.380	19.644	62.212	118.500	78.980	41.473	38.500	39.120	54.760	120.110	92.840	36.790

